

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 44/2021/DS-ST

Ngày: 07/10/2021

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hải Long

Ông Trương Minh Thọ

- Thư ký phiên tòa: Chị Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:
Chị Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2019TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc *“Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 697/TB-TA ngày 27/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 478/2021/QĐST- DS ngày 24/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 555/2021/QĐST- DS ngày 24/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đức Hoàng Tr, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số ABB, đường Phan Đình Phùng, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*Vắng mặt*).

- Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1954, địa chỉ: Số C2, đường Hai Bà Trưng, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2019 (*Có mặt*).

- Bị đơn: Ông Ngô Thành V, sinh năm 1974

Bà Hoàng Thị Hoài M, sinh năm: 1986

Cùng địa chỉ: Lô C5 A, đường Tô Vĩnh Diện, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (*Ông V có mặt, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trịnh Hải Thi, sinh năm 1954

Địa chỉ: Lô 6, khu quy hoạch, Phường D, Đ L, LĐ (*Có mặt*).

2. Ông Trịnh Hải Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số x, đường N C T, Phường A, Đ L, LĐ (*Có mặt*).

- *Người làm chứng:* Ông Đào Đức M

Địa chỉ: Số 35, đường Trần Văn Côi, Phường E, thành phố Đ L, tỉnh L Đ.(*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04 tháng 12 năm 2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đức Hoàng Tr là ông Nguyễn Văn Kh trình bày:

Vào ngày 15/10/2018, ông Đức Hoàng Tr có ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Kh thay ông chuyển nhượng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 412549 và 448113 vào ngày 15/10/2018 tại Văn phòng Công chứng Vạn Tín. Tuy nhiên khi vợ chồng ông V đo vẽ lại toàn bộ diện tích đất này thì bị thiếu khoảng 300m² nên giữa 02 bên lập một biên bản thỏa thuận ngày 14/12/2018. Bên bán sẽ hoàn lại 195.300.000đồng cho bên mua tương ứng với diện tích đất bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bên bán sẽ làm việc lại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để truy hoàn lại diện tích 300m² đất bị thiếu và diện tích đất này thuộc về bên bán. Khi bên bán làm việc với Phòng Tài nguyên Môi trường thì được biết diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng nên nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông V trả lại 300m² đất này, tuy nhiên ông V không hợp tác.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ngô Thành V và bà Hoàng Thị Hoài M trả lại 300m² (giá trị tạm tính 600.000.000đồng) theo biên bản thỏa thuận mà hai bên đã ký ngày 14/12/2018(BL 07, 37). Ông không xác định được vị trí 300m² đất thừa là ở vị trí nào. Tuy nhiên, không yêu cầu đo vẽ lại vì căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/10/2018 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và họa đồ cũ khi cấp giấy chứng nhận để đòi lại 300m² đất.

Đối với giá trị tài sản thì thống nhất với giá trị mà Tòa án đã tham khảo của Công ty TNHH Thẩm định giá Thương Tín - Chi nhánh Lâm Đồng ngày 17/7/2020 là giá giao động từ 3.000.000đ/m² đến 5.000.000đ/m².

Theo bản tự khai của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông Ngô Thành V trình bày:

Vào ngày 15/10/2018, ông Tr có ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Kh đứng ra chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa 311, 312, 313, tờ bản đồ số 10, Phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với giá thỏa thuận là 03 tỷ 500 triệu đồng, nhưng hai bên làm hợp đồng chỉ với giá 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*). Hiện nay, vợ chồng ông V bà M đã đứng tên Tr Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông Kh là người liên hệ và tự bỏ tiền ra làm hợp đồng đo vẽ. Khi có kết quả đo vẽ thì diện tích đất thực tế chỉ còn 5.078m², như vậy diện tích đất còn thiếu là 300m² nên hai bên đã thỏa thuận trừ giá trị đất bị thiếu đất tương đương với 195.300.000đ (tại văn bản thỏa thuận ngày 14/12/2018). Ngày 14/10/2018, tôi đã giao số tiền 3.300.000.000đ cho ông Kh. Hai bên đã thỏa thuận trừ giá trị đất bị thiếu đất tương đương với 195.000.000đ nhưng sau đó hai bên thống nhất trừ hẳn 200.000.000đ phần đất còn thiếu là 300m², nếu bên bán làm việc với cơ quan chức năng truy hoàn lại được thì thuộc quyền sở hữu của bên bán. Không có lý do gì tôi phải trả thêm một lần tiền đối với diện tích đất còn thiếu mà chưa được nhận.

Hiện nay, tôi đã thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng diện tích đất nói Tr theo hợp đồng ngày 13/12/2018 với diện tích là 5.078m² cho ông Trịnh Hải Thi và Trịnh Hải Th; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay đã đứng tên ông Thi và ông Th. Khi bàn giao đất Tr thực địa tôi và bên ông Thi, ông Th bàn giao theo hiện trạng và có mời các hộ xung quanh ký biên bản bàn giao theo ranh giới đã cắm mốc.

Như vậy, thực tế tôi chỉ chuyển nhượng cho ông Thi, ông Th đúng diện tích thực tế mà trước đây tôi đã nhận chuyển nhượng từ ông Đức Hoàng Tr. Do đó, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đức Hoàng Tr.

Đối với việc đo vẽ lại thì tôi đã chuyển nhượng cho ông Thi, ông Th nên đề nghị ông Thi, ông Th có ý kiến.

+ Bà Hoàng Thị Hoài M trình bày:

Bà M thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Ngô Thành V. Ý kiến của ông V cũng là ý kiến của bà. Ngoài ra đương sự không có ý kiến gì thêm.

Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Hải Thi và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì:

Tôi và con trai là Trịnh Hải Th nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Ngô Thành V, bà Hoàng Thị Hoài M thuộc thửa 311, 312, 313, tờ bản đồ số 10, Phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Hợp đồng chuyển nhượng ông lập theo diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5.376m². Tuy nhiên, khi nhận bàn giao theo diện tích thực tế là 5.078m² và

có biên bản mời các hộ xung quanh ký biên bản bàn giao theo ranh giới đã cắm mốc. Hiện nay, đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã sang tên cho tôi và con trai Trịnh Hải Th. Do đó, tôi không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với giá trị tài sản là quyền sử dụng đất mà Tòa án đã tham khảo của Công ty TNHH Thẩm định giá Thương Tín - Chi nhánh Lâm Đồng ngày 17/7/2020, giá giao động từ 3.000.000đ/m² đến 5.000.000đ/m² là quá cao nên tôi không đồng ý; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định vì tại thời điểm tôi nhận chuyển nhượng từ ông V là giá khoảng 1.300.000đ/m² (BL92).

+ Ông Trịnh Hải Th trình bày:

Tôi và ông Trịnh Hải Thi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như ý kiến trình bày của ông Trịnh Hải Thi là đúng. Tôi thống nhất với ý kiến của ông Trịnh Hải Thi và không có yêu cầu đo vẽ lại hiện trạng sử dụng đất. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Kh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không xác định được vị trí 300m² đất thừa là ở vị trí nào nhưng căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/10/2018 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và họa đồ cũ khi cấp giấy chứng nhận để yêu cầu bị đơn, ông V và bà M phải trả lại 300m² đất cho nguyên đơn (giá trị tương đương 600.000.000đồng). Tôi không khởi kiện tranh chấp đất đai mà khởi kiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất yêu cầu ông Tr trả tiền theo giá trị tại thời điểm hiện tại hoặc tại thời điểm ông V chuyển nhượng cho ông Thi và ông Th. Tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Ngô Thành V không đồng ý với yêu cầu của người đại diện theo Ủy quyền của ông Đức Hoàng Tr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Hải Thi, ông Trịnh Hải Th không đồng ý với yêu cầu của người đại diện theo Ủy quyền của ông Đức Hoàng Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định tại các Điều 48, Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 73, Điều 86, Điều 91, Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiến nghị ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và

thông báo thu thập được tài liệu, chứng cứ của vụ án không đúng quy định tại khoản 3 Điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự; vi phạm về gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, tạm đình chỉ không đúng, ngoài ra khi Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án thì phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng lại ra thông báo về việc mở lại phiên tòa sơ thẩm là không đúng.

Ý kiến về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 500, 501, 502 và Điều 503 của Bộ luật Dân sự, Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đức Hoàng Tr. Buộc ông Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tr cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Hoàng Thị Hoài M, ông Đào Đức M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông M là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa số 311, 312, 313 tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giữa ông Đức Hoàng Tr với ông Ngô Thành V, bà Hoàng Thị Hoài M, căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, có đủ cơ sở xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

[3] *Về nội dung*: Ngày 15/10/2018, ông Đức Hoàng Tr có lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số: 331 diện tích 4.522m², mục đích sử dụng đất LN, thửa đất số: 312, 313 diện tích 854m², mục đích sử dụng đất ĐRM thuộc tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, giá chuyển nhượng theo hợp đồng là 500.000.000đồng tại Văn phòng Công chứng Vạn Tín số 166, Bùi Thị Xuân, phường 2, thành phố Đà Lạt, nhưng số tiền thực nhận của bên chuyển nhượng là: 3.3000.000đồng (*ba tỷ ba trăm triệu đồng*), đất thuộc quyền sử dụng của ông Đức Hoàng Tr theo hồ sơ số: 17031084 ngày 28/3/2017 có xác nhận, đóng dấu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Lạt. Được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T 412549 thửa đất 311, diện tích 4522m² đất LN, do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày

26/12/2011 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 448113 thửa đất 312, 313, diện tích 854m² đất ĐRM, do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 12/10/1998. Nhưng khi giao nhận đất đo đạc lại diện tích cả 03 thửa chỉ 5.078,51m² so với diện tích được cấp là: 5.376 m². Do đó, ngày 14/12/2018 giữa ông Nguyễn Văn Kh người đại diện theo ủy quyền của ông Đức Hoàng Tr lập biên bản thỏa thuận: Bên bán hoàn lại cho bên mua 195.300.000đồng, nhưng thống nhất thực nhận hẳn 200.000.000đồng do đất biến động giảm 300m². Bên bán sẽ làm việc lại với cơ quan nhà nước để truy hoàn lại 300m².

Hai bên đương sự không khiếu nại gì về hợp đồng cũng như số tiền thanh toán trong hợp đồng.

[4] Đối với yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn buộc vợ chồng ông Ngô Thành V và bà Hoàng Thị Hoài M trả lại 300m² đất theo biên bản thỏa thuận mà hai bên đã ký ngày 14/12/2018, nhưng ông V không xác định được vị trí 300m² đất nằm ở vị trí nào. Không yêu cầu đo vẽ lại mà chỉ căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/10/2018 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và họa đồ cũ khi cấp giấy chứng nhận để đòi lại 300m² đất (giá trị tương đương 600.000.000đồng). Theo họa đồ đo vẽ theo yêu cầu của bị đơn là ông Ngô Thành V và bà Hoàng Thị Hoài M ngày 07/12/2018 thì diện tích các thửa đất 311, 312, 313 (*kèm biên bản do ông Ngô Thành V bàn giao đất ngày 04/12/2019*), tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường 5, thành phố Đà Lạt là các thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Đức Hoàng Tr. Tổng diện tích: 5.078,51m² so với diện tích được cấp là: 5.376m². Cũng theo biên bản thỏa thuận ngày 14/12/2018 giữa ông Nguyễn Văn Kh người đại diện theo ủy quyền của ông Đức Hoàng Tr thỏa thuận: Bên bán hoàn lại cho bên mua 195.300.000đ, nhưng thống nhất thực nhận hẳn 200.000.000đồng do đất biến động giảm 300m². Bên bán sẽ làm việc lại với cơ quan nhà nước để truy hoàn lại 300m². Tuy nhiên đến nay ông Đức Hoàng Tr không xác định được vị trí 300m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp là ở vị trí nào. Tuy nhiên, không yêu cầu đo vẽ lại vì căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/10/2018 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của họa đồ cũ khi cấp giấy chứng nhận để đòi lại 300m² đất. Tại công văn số 6729/UBND-NC ngày 18/11/2020, cung cấp thông tin liên quan đến vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất này thì. Sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người sử dụng đất chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng diện tích, ranh giới đã được cấp. Việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thiết lập họa đồ đo vẽ hiện trạng ngày 13/12/2018 do chủ sử dụng đất chỉ ranh giới đo vẽ theo hiện trạng. Việc tăng, giảm diện tích và đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do chủ sử dụng đất chịu

trách nhiệm. Theo yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngày 15/12/2020, Chi nhánh văn phòng đất đai tiến hành đo vẽ lại hiện trạng các thửa đất nêu Tr không có thay đổi so với họa đồ đo vẽ hiện trạng ngày 13/12/2018.

Hiện các thửa đất này ông Ngô Thành V và bà Hoàng Thị Hoài M đã chuyển nhượng cho ông Trịnh Hải Thi và Trịnh Hải Th vào ngày 28/11/2019, lập hợp đồng tại Văn phòng Công chứng Trương Anh số 22 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt. Đã sang tên chủ sử dụng đất Trịnh Hải Thi và Trịnh Hải Th ngày 31/12/2019.

[5] Từ những phân tích Tr, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đức Hoàng Tr. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo vẽ theo yêu cầu của ông Trịnh Hải Thi chi phí hết 5.021.000đồng đã thanh toán xong, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Đức Hoàng Tr đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch của giá mà nguyên đơn yêu cầu: $600.000.000\text{đồng} = 20.000.000\text{đồng} + 4\% \times 200.000.000\text{đồng} = 28.000.000\text{đồng}$ (hai mươi tám triệu đồng) theo quy định.

Vì các lẽ Tr,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Điều 147 và khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 120; Điều 500, 501, 502 và Điều 503 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đức Hoàng Tr về việc buộc ông Ngô Thành V và bà Hoàng Thị Hoài M phải trả lại 300m² (giá trị tương đương 600.000.000đồng).

2. Về án phí:

Buộc ông Đức Hoàng Tr phải chịu 28.000.000đồng (hai mươi tám triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017004 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ông Đức Hoàng Tr phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng).

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Lạt;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Hùng